



Sổ tay nghề nghiệp tra cứu nhanh

Copyright @2014 : Tổ chức Lao động quốc tế
Xuất bản lần đầu : Năm 2014

Những ấn phẩm của Tổ chức Lao động Quốc tế có bản quyền theo quy định tại Nghị định thư 2 của Công ước toàn cầu về Bản quyền. Tuy nhiên, những đoạn trích ngắn từ những ấn phẩm của Tổ chức Lao động Quốc tế có thể được sao chép mà không cần sự cho phép, với điều kiện thông tin sao chép này phải được trích dẫn nguồn. Về quyền tái bản, dịch thuật hoặc áp dụng cần liên hệ với Bộ phận Xuất bản của ILO (Quyền và Cấp phép), Tổ chức Lao động Quốc tế, CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ, hoặc qua thư điện tử pubdroit@ilo.org. Văn phòng Lao động Quốc tế hoan nghênh việc tuân thủ những quy định này.

Những thư viện, tổ chức hoặc những người sử dụng các tài liệu đã đăng ký với các tổ chức có quyền tái bản tài liệu có thể sao chép những tài liệu trên phù hợp với giấy phép được cấp vì mục đích này. Hãy tham khảo địa chỉ www.ifro.org để biết thêm thông tin về tổ chức có quyền sao chép những tài liệu này tại quốc gia của bạn

Sổ tay nghề nghiệp tra cứu nhanh/ Văn phòng ILO tại Việt Nam – Hà Nội : ILO, 2014.

32 p.

9789228291698 (bản in); 9789228291704 (web pdf)

Những thuật ngữ sử dụng trong các tài liệu của Tổ chức Lao động Quốc tế tuân thủ những quy định của Liên hiệp quốc và việc trình bày những tài liệu này không có nghĩa là thể hiện bất kỳ một quan điểm nào của Tổ chức Lao động Quốc tế liên quan đến vị trí pháp lý của bất kỳ một quốc gia nào, một khu vực hoặc lãnh thổ nào, các cơ quan của họ cũng như liên quan đến việc phân định biên giới của nó.

Trách nhiệm đối với các quan điểm trình bày trong các bài báo, nghiên cứu và đóng góp hoàn toàn thuộc về tác giả, và những ấn phẩm này không bao gồm trong đó một sự chấp thuận của Tổ chức Lao động Quốc tế về những quan điểm thể hiện trong đó.

Việc đề cập tên các công ty, sản phẩm thương mại cũng như các quy trình không có nghĩa là được Tổ chức Lao động Quốc tế đồng ý, và việc không đề cập đến một công ty, một sản phẩm hoặc một quy trình cụ thể nào đó, không có nghĩa là Tổ chức Lao động Quốc tế không đồng ý với những nội dung này.

Có thể tìm được các xuất bản phẩm và các sản phẩm điện tử của Tổ chức Lao động Quốc tế tại các hiệu sách lớn hoặc các văn phòng của Tổ chức Lao động Quốc tế tại nhiều quốc gia, hoặc trực tiếp từ Bộ phận Xuất bản của Tổ chức Lao động Quốc tế, CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ hoặc Văn phòng khu vực Châu Á – Thái Bình dương của Tổ chức Lao động Quốc tế, Tầng 11, Tòa nhà Liên Hiệp Quốc, Đại Lộ Rajdamnern Nok, Bangkok 10200, Thái Lan hoặc qua thư điện tử : BANGKOK@ilo.org. Danh mục những ấn phẩm mới của Tổ chức Lao động Quốc tế luôn sẵn có và miễn phí tại các địa chỉ trên, hoặc qua thư điện tử : pubvente@ilo.org.

Hãy truy cập địa chỉ của chúng tôi : www.ilo.org/publns hoặc www.ilo.org/asia.

In tại Việt Nam.

MỤC LỤC

NHÓM NGHỀ NGÔN NGỮ	1
1. Giáo viên cao đẳng, đại học	1
2. Giáo viên trung cấp	1
3. Giáo viên trung học phổ thông	1
4. Giáo viên trung học cơ sở	1
5. Chuyên viên quan hệ công chúng	1
6. Luật sư	1
7. Chuyên viên lưu trữ văn thư và quản lý bảo tàng	1
8. Thủ thư và nhân viên thư viện	2
9. Biên tập viên nhà xuất bản	2
10. Nhà nghiên cứu khoa học xã hội	2
11. Nhà xã hội học	2
12. Nhà khảo cổ học	2
13. Nhà sử học	3
14. Nhà biên kịch	3
15. Nhà báo	3
16. Nhà ngôn ngữ học	3
17. Biên dịch và phiên dịch	3
18. Đạo diễn phim, sân khấu	3
19. Phát thanh viên trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện truyền thông đại chúng khác	3
20. Kỹ thuật viên ghi chép sổ sách y tế và thông tin về sức khỏe	4
21. Kỹ thuật viên bảo tàng	4
22. Thư ký hành chính	4
23. Kỹ thuật viên phát thanh, truyền hình và nghe - nhìn	4
24. Nhân viên tổng đài dịch vụ khách hàng	4
25. Hướng dẫn viên du lịch	4
26. Nhân viên marketing và bán hàng	5
NHÓM NGHỀ PHÂN TÍCH - LÓGIC	5
27. Nhà thiên văn học	5
28. Nhà khí tượng học	5
29. Nhà hoá học	5
30. Nhà địa chất	5
31. Nhà địa lý	5
32. Nhà toán học	6
33. Nhà thống kê	6
34. Thống kê bảo hiểm	6
35. Nhà sinh vật học	6
36. Nhà khoa học biển	6
37. Kỹ sư và kỹ thuật viên công nghệ sinh học	7
38. Kỹ thuật y sinh	7
39. Nhà nông học	7
40. Kỹ sư thủy sản	7
41. Kỹ sư và kỹ thuật viên lâm nghiệp	7
42. Chuyên gia bảo vệ môi trường	7
43. Kỹ sư công nghiệp	7

44.	Chuyên gia công nghệ thực phẩm và đồ uống.....	8
45.	Kĩ sư xây dựng.....	8
46.	Kĩ sư ô tô.....	8
47.	Kĩ sư cơ khí.....	8
48.	Kĩ sư hoá học.....	8
49.	Kĩ sư luyện kim.....	8
50.	Kĩ sư vật liệu.....	8
51.	Kĩ sư điện.....	9
52.	Kĩ sư điện tử.....	9
53.	Kĩ sư viễn thông.....	9
54.	Kĩ sư vũ trụ, hàng không.....	9
55.	Thú y.....	9
56.	Dược sĩ.....	9
57.	Kế toán.....	9
58.	Chuyên gia phân tích tài chính.....	10
59.	Chuyên gia quản trị dầu khí.....	10
60.	Chuyên gia quản trị giao thông.....	10
61.	Chuyên gia quản trị năng lượng.....	10
62.	Chuyên gia phát triển phần mềm.....	10
63.	Nhà kinh tế học.....	10
64.	Chuyên viên thương mại quốc tế.....	10
65.	Chuyên viên ngân hàng, quỹ đầu tư.....	11
66.	Kĩ sư và kĩ thuật viên âm thanh.....	11
67.	Nhân viên giao dịch ngân hàng.....	11
NHÓM NGHỀ HÌNH HỌC – MÀU SẮC – THIẾT KẾ.....		11
68.	Kiến trúc sư xây dựng.....	11
69.	Kiến trúc sư cảnh quan/ nhà thiết kế cảnh quan.....	11
70.	Nhà thiết kế sản phẩm/ kĩ thuật công nghiệp.....	11
71.	Nhà thiết kế thời trang.....	12
72.	Nhà thiết kế trang trí.....	12
73.	Nhà thiết kế vải sợi.....	12
74.	Trắc địa và khảo sát bản đồ.....	12
75.	Nhà thiết kế truyền thông đa phương tiện và đồ họa.....	12
76.	Nhà thiết kế đồ họa hoạt hình.....	12
77.	Chuyên viên vẽ kĩ thuật.....	13
78.	Nhiếp ảnh.....	13
79.	Nhà thiết kế và trang trí nội thất.....	13
80.	Nhà thiết kế sản phẩm thủ công mỹ nghệ.....	13
81.	Nhà thiết kế quảng cáo.....	13
82.	Họa sĩ biếm họa, truyện tranh.....	13
83.	Nghệ sĩ kĩ thuật.....	13
84.	Nhà quay phim.....	14
85.	Kĩ thuật viên bao bì.....	14
86.	Kĩ thuật viên giấy.....	14
87.	Thợ thẩm mĩ (Làm đẹp).....	14
88.	Người làm vườn và trồng hoa, cây cảnh.....	14
89.	Nhà thiết kế trang sức.....	14

90.	Thợ thủ công trong ngành gỗ và vật liệu liên quan	15
91.	Thợ thủ công trong ngành dệt may và da giày.....	15
92.	Kĩ thuật viên sản xuất hàng may mặc	15
93.	Kĩ thuật viên in ấn.....	15
94.	Kĩ thuật viên thuốc da	15
95.	Thợ may	15
NHÓM NGHỀ LÀM VIỆC VỚI CON NGƯỜI.....		16
96.	Bác sĩ y khoa).....	16
97.	Y tá và hộ sinh.....	16
98.	Bác sĩ y học cổ truyền	16
99.	Nha sĩ	16
100.	Chuyên gia phục hồi chức năng nghề nghiệp	16
101.	Chuyên gia vật lí trị liệu	16
102.	Chuyên gia dinh dưỡng	17
103.	Bác sĩ thính học và trị liệu ngôn ngữ.....	17
104.	Giáo viên mầm non	17
105.	Giáo viên tiểu học	17
106.	Giáo viên giáo dục đặc biệt	17
107.	Chuyên gia quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa	17
108.	Chuyên gia quản trị kinh doanh nông nghiệp	17
109.	Quản lí bán hàng và marketing.....	18
110.	Quản lí bán lẻ và bán buôn.....	18
111.	Quản lí khách sạn	18
112.	Quản lí nông nghiệp.....	18
113.	Quản trị bệnh viện.....	18
114.	Quản trị nhân lực.....	18
115.	Chuyên gia quản lí đô thị	18
116.	Cán bộ quan hệ lao động.....	19
117.	Chuyên gia dịch vụ pháp lí.....	19
118.	Nhà tâm lí học	19
119.	Nhà tư vấn tâm lí	19
120.	Nhà tư vấn nghề nghiệp.....	19
121.	Kĩ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	20
122.	Kĩ thuật viên nhãn khoa.....	20
123.	Kĩ thuật viên trị liệu về tim mạch, hô hấp	20
124.	Đại lí bảo hiểm.....	20
125.	Nhà quản lí sự kiện.....	20
126.	Chuyên gia quản trị bất động sản	20
127.	Nhân viên công tác xã hội	21
128.	Đại lí du lịch và lữ hành	21
129.	Tiếp viên hàng không hoặc tiếp viên trên phương tiện vận tải	21
130.	Thợ làm bánh kẹo.....	21
NHÓM NGHỀ THỂ CHẤT – CƠ KHÍ		21
131.	Kĩ sư bảo dưỡng máy bay	21
132.	Kĩ sư mỏ.....	21
133.	Kĩ sư khai thác dầu khí.....	21
134.	Kĩ thuật viên chỉnh hình và phục hình	22

135.	Kĩ thuật viên cơ – điện tử	22
136.	Kĩ sư hàng hải	22
137.	Công an	22
138.	Vũ công và biên đạo múa	22
139.	Kĩ thuật xây dựng.....	22
140.	Kĩ thuật thủy lợi	22
141.	Kĩ thuật điện trong công nghệ thông tin và truyền thông	22
142.	Kĩ thuật điện trong phát và truyền tải điện	23
143.	Kĩ thuật tua-bin	23
144.	Kĩ thuật viên phần cứng máy tính	23
145.	Kĩ thuật viên điện đài trên tàu thủy	23
146.	Kĩ thuật viên cơ khí trong sản xuất, lắp ráp và sửa chữa	23
147.	Kĩ thuật viên giao thông vận tải	23
148.	Kĩ thuật viên khai thác mỏ	23
149.	Kĩ thuật viên luyện kim	24
150.	Vận hành máy móc	24
151.	Kĩ thuật viên vận hành nhà máy lọc dầu và khí thiên nhiên	24
152.	Kĩ thuật viên bảo vệ môi trường.....	24
153.	Kĩ thuật viên lâm nghiệp	24
154.	Điều khiển phương tiện đường thủy	24
155.	Phi công.....	25
156.	Kiểm soát viên không lưu.....	25
157.	Kĩ thuật viên y tế: công nghệ y học hạt nhân	25
158.	Kĩ thuật viên phòng xét nghiệm	25
159.	Kĩ thuật viên y tế: kĩ thuật viên phẫu thuật	25
160.	Kĩ thuật viên y tế: kĩ thuật viên và phụ tá nha khoaapist)	25
161.	Vận động viên và người chơi thể thao chuyên nghiệp.....	25
162.	Giáo viên giáo dục thể chất	26
163.	Kĩ thuật viên kĩ thuật viễn thông	26
164.	Cảnh sát cứu hỏa	26
165.	Trồng trọt	26
166.	Chăn nuôi gia súc, gia cầm.....	26
167.	Nuôi ong và nuôi tằm.....	26
168.	Thợ đường ống	27
169.	Thợ chế tạo khuôn và công cụ.....	27
170.	Thợ mộc và thợ làm đồ gỗ.....	27
171.	Kĩ thuật viên thiết bị lạnh và điều hòa không khí.....	27
172.	Thợ hàn và thợ cắt kim loại bằng nhiệt	27
173.	Kĩ thuật viên cơ khí trong đóng tàu	27
174.	Kĩ thuật viên cơ khí trong gia công kim loại	27
175.	Thợ cơ khí và sửa chữa xe có động cơ	27
176.	Kĩ thuật viên cơ khí nông nghiệp	28
177.	Thợ lặn	28
178.	Lái đầu máy xe lửa	28
179.	Lái xe con, taxi và xe tải hạng nhẹ	28
180.	Lái xe buýt, xe khách và xe điện	28
181.	Sĩ quan quân đội.....	28

Nhóm nghề ngôn ngữ *Linguistic Careers*

1. Giáo viên cao đẳng, đại học (*College Lecturer*)

Giáo viên cao đẳng và đại học là người có kiến thức chuyên môn về môn học cụ thể và tiến hành giảng dạy sinh viên ở bậc đại học và cao đẳng.

2. Giáo viên trung cấp (*Secondary Professional School Teacher*)

Giáo viên trung cấp dạy học sinh ở trường trung cấp chuyên nghiệp hay trung cấp nghề. Họ dạy một hoặc nhiều môn học với mục đích giáo dục, hướng nghiệp, hoặc dạy nghề.

3. Giáo viên trung học phổ thông (*Secondary School Teacher*)

Giáo viên trung học phổ thông dạy học sinh ở các trường trung học phổ thông hoặc tương đương, ví dụ như trường tâm giáo dục thường xuyên. Họ dạy một hoặc nhiều môn học với mục đích giáo dục, hướng nghiệp, hoặc dạy nghề.

4. Giáo viên trung học cơ sở (*Junior Secondary School Teacher*)

Giáo viên trung học cơ sở dạy học sinh ở các trường trung học cơ sở hoặc tương đương, ví dụ như trường trẻ em khuyết tật bậc trung học cơ sở. Họ dạy một hoặc nhiều môn học với mục đích giáo dục, hướng nghiệp, hoặc dạy nghề.

5. Chuyên viên quan hệ công chúng (*Public Relations Officer*)

Chuyên viên quan hệ công chúng, còn được gọi là cán bộ truyền thông, là người giữ nhiệm vụ kết nối giữa tổ chức, doanh nghiệp với thế giới bên ngoài. Họ đảm bảo rằng các thông tin chính xác về doanh nghiệp, khách hàng, sản phẩm hoặc người sử dụng lao động được các đối tượng công chúng biết đến.

6. Luật sư (*Lawyer*)

Luật sư là người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền lợi cho thân chủ tại tòa án, trong các vụ án, các vụ việc và yêu cầu khác theo quy định của pháp luật. Các vụ án, vụ việc và yêu cầu có thể liên quan đến những nhánh pháp luật khác nhau như hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, sở hữu trí tuệ...

7. Chuyên viên lưu trữ văn thư và quản lý bảo tàng (*Archivist and Curator*)

Một hệ thống lưu trữ bảo tàng là tập hợp các ghi chép theo lịch sử, bao gồm chữ cái, giấy tờ, hình ảnh, nhật ký hay bất kỳ loại hiện vật nào khác. Hệ thống

này cũng đánh dấu vị trí lưu trữ những hồ sơ đó. Chuyên viên lưu trữ văn thư và quản lý bảo tàng tiến hành nghiên cứu, thu thập, đánh giá và bảo vệ, bảo tồn các nội dung tài liệu, hiện vật có lợi ích lịch sử, văn hóa và nghệ thuật, đồng thời tổ chức trưng bày tại bảo tàng và triển lãm nghệ thuật.

8. Thủ thư và nhân viên thư viện (*Librarian and Library Clerk*)

Thủ thư và nhân viên thư viện là những người thu thập và lưu trữ các tài liệu ghi lại hoặc xuất bản, cho mượn và thu lại sách báo, lấy và cung cấp thông tin theo yêu cầu. Họ còn được gọi bằng một thuật ngữ khác rộng hơn là người quản lý tài liệu.

9. Biên tập viên nhà xuất bản (*Editor/ Publisher*)

Biên tập viên làm việc với các tác giả, giúp họ trình bày tác phẩm của họ một cách lôi cuốn, chỉnh sửa và hoàn thiện bản thảo. Ngày nay, với sự phát triển của internet, ngành xuất bản cũng được mở rộng. Các biên tập viên cũng tham gia xây dựng nội dung trên mạng và kiểm tra xem các nội dung này có sử dụng ngôn ngữ chính xác và trình bày một cách hấp dẫn hay không.

10. Nhà nghiên cứu khoa học xã hội (*Social Scientist*)

Khoa học xã hội quan tâm tới hành vi, bản chất và cuộc sống của con người như một chủ thể xã hội. Các nhà nghiên cứu khoa học xã hội nghiên cứu xã hội loài người và những mối quan hệ giữa người và người trong xã hội. Có nhiều ngành khoa học xã hội như nhân chủng học, kinh tế học, lịch sử, khoa học chính trị, xã hội học, tâm lý học, tội phạm học, luật học, nghệ thuật học và các khoa học tương tự. Nói rộng ra, những bộ môn liên quan đến nhân học và nghệ thuật đều là các môn khoa học xã hội.

11. Nhà xã hội học (*Sociologist*)

Xã hội học là một ngành khoa học xã hội. Nhà xã hội học nghiên cứu các cá nhân, nhóm và các tổ chức tạo nên xã hội loài người. Nghiên cứu con người, thái độ của con người, các nhóm và tổ chức do con người hình thành, ảnh hưởng văn hóa và thay đổi xã hội đều là công việc của nhà xã hội học. Thông tin này được thu thập thông qua nhiều loại nghiên cứu, sau đó được sử dụng trong việc xây dựng các lý thuyết khác nhau.

12. Nhà khảo cổ học (*Archaeologist*)

Các nhà khảo cổ nghiên cứu quá khứ để hiểu con người đã sống như thế nào. Họ theo dõi sự phát triển của nhân loại bằng cách nghiên cứu các di vật từ quá khứ, như cung điện, đền đài, nhà cửa, công cụ, đồ gốm, tiền xu, vũ khí, hay các tác phẩm điêu khắc.

13. Nhà sử học (*Historian*)

Nhà sử học cho chúng ta biết về quá khứ nhờ tiến hành nghiên cứu và mô tả hoạt động của con người trong quá khứ, như lịch sử của cộng đồng, quốc gia, doanh nghiệp, các thời kỳ và sự kiện cụ thể, các cá nhân và ý tưởng... Nhờ có các tư liệu lịch sử mà chúng ta có thể hiểu hiện tại và hoạch định tương lai.

14. Nhà biên kịch (*Script Writer*)

Nhà biên kịch làm công việc nghiên cứu và viết kịch bản phim, kịch, tác phẩm phát thanh và truyền hình. Một kịch bản bao gồm nhân vật, lời thoại và trình tự các cảnh trong các tác phẩm đó. Nhà biên kịch có thể khai thác một ý tưởng, cốt truyện gốc hoặc chuyển thể các tác phẩm đã được xuất bản sang một dạng kịch bản phù hợp với hình thức sản xuất.

15. Nhà báo (*Journalist*)

Nhà báo là những người viết, biên tập, sản xuất các ấn phẩm báo chí (truyền hình, phát thanh, báo viết, báo mạng).

16. Nhà ngôn ngữ học (*Language Specialist*)

Nhà ngôn ngữ học nghiên cứu các thành phần cơ bản của một ngôn ngữ nào đó, chẳng hạn như ngữ âm, ngữ nghĩa và chữ viết. Ở góc độ khác, nghề này liên quan tới việc học và thành thạo một ngôn ngữ cụ thể. Để trở thành một nhà ngôn ngữ học cần phải tìm hiểu về các thành phần cơ bản của ngôn ngữ. Ngoài ra, học một ngôn ngữ cụ thể thì bạn có thể trở thành một người biên dịch, phiên dịch hoặc giáo viên ngôn ngữ.

17. Biên dịch và phiên dịch (*Translator and Interpreter*)

Biên dịch và phiên dịch nghiên cứu nguồn gốc, sự phát triển và cấu trúc của các ngôn ngữ. Dịch viết và dịch nói từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác.

18. Đạo diễn phim, sân khấu (*Director: Film/ Stage*)

Đạo diễn phim, sân khấu, còn gọi là đạo diễn và nhà sản xuất điện ảnh, sân khấu, là người chỉ đạo và sản xuất phim, các tác phẩm truyền hình, phát thanh và chương trình biểu diễn trên sân khấu.

19. Phát thanh viên trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện truyền thông đại chúng khác (*Announcer: Radio, Television and Other Media*)

Phát thanh viên trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện truyền thông khác là người đọc bản tin, phỏng vấn, hướng dẫn và thực hiện các thông báo khác hoặc thực hiện các chỉ dẫn trên đài phát thanh, truyền hình, trong rạp chiếu phim và các cơ sở khác. Họ được ví như là “nhân vật định” của chương trình.

20. Kỹ thuật viên ghi chép sổ sách y tế và thông tin về sức khỏe (*Health Information Administrator*)

Kỹ thuật viên ghi chép sổ sách y tế và thông tin về sức khỏe là chuyên gia trong việc lưu trữ cập nhật hồ sơ tại các bệnh viện, phòng khám và các cơ sở chăm sóc sức khỏe. Hồ sơ của mỗi bệnh nhân phải được lưu trữ cẩn thận và có thể truy cập một cách dễ dàng. Kỹ thuật viên sử dụng dữ liệu về hồ sơ y tế và hệ thống phân loại để lập và duy trì bộ phận quản lý hồ sơ y tế của một bệnh viện.

21. Kỹ thuật viên bảo tàng (*Museologist*)

Kỹ thuật viên bảo tàng là người làm công việc đánh số hạng mục, phân loại và bảo quản hiện vật trong toàn bộ hoặc một bộ phận của bảo tàng. Trong khi đó, người quản lý bảo tàng là người chịu trách nhiệm bảo quản tổng thể bảo tàng. Trong bảo tàng, có ba vị trí cùng làm việc với các nhà sử học và khảo cổ học là kỹ thuật viên, người quản lý và chuyên viên lưu trữ văn thư.

22. Thư ký hành chính (*Secretary*)

Thư ký hành chính là người hỗ trợ công việc hành chính cho những người khác trong một tổ chức. Họ đóng vai trò quan trọng vì hoạt động của toàn bộ tổ chức phụ thuộc vào hiệu quả làm việc của họ. Ví dụ thư ký điều hành là một chuyên gia cấp cao trong một tổ chức và hỗ trợ người đứng đầu tổ chức.

23. Kỹ thuật viên phát thanh, truyền hình và nghe - nhìn (*Broadcasting and Audiovisual Technician*)

Kỹ thuật viên phát thanh, truyền hình và nghe - nhìn quản lý các chức năng kỹ thuật của thiết bị để ghi lại và biên tập các hình ảnh và âm thanh và để truyền thanh, truyền hình các hình ảnh và âm thanh cũng như các dạng tín hiệu viễn thông khác trên đất liền, trên biển và trên không.

24. Nhân viên tổng đài dịch vụ khách hàng (*Call Centre Operator*)

Các doanh nghiệp thường có một tổng đài dịch vụ để giải đáp và hỗ trợ khách hàng được gọi là tổng đài dịch vụ khách hàng. Các nhân viên tổng đài dịch vụ khách hàng được đào tạo sử dụng điện thoại để trả lời câu hỏi của khách hàng về sản phẩm cũng như thúc đẩy hỗ trợ việc bán sản phẩm.

25. Hướng dẫn viên du lịch (*Tour Guide*)

Hướng dẫn viên du lịch được đào tạo để đi cùng với khách du lịch trong phạm vi một quốc gia, thành phố hoặc khu vực nào đó. Họ giới thiệu với khách du lịch về ý nghĩa lịch sử, khảo cổ của những nơi họ đến hoặc các di tích, công trình nghệ thuật mà họ xem. Họ cũng giúp khách du lịch làm quen với văn hóa môi trường, vẻ đẹp tự nhiên và những điều thú vị khác nhằm thu hút sự quan tâm của khách.

26. Nhân viên marketing và bán hàng (*Sales Assistant*)

Nhân viên marketing và bán hàng trong cửa hàng và tại các cơ sở bán lẻ trực tiếp bán nhiều loại hàng hóa và dịch vụ cho khách hàng, giới thiệu chức năng và chất lượng hàng hóa và dịch vụ cho khách hiệu.

Nhóm nghề phân tích - logic ***Analytical-Logical Careers***

27. Nhà thiên văn học (*Astronomer*)

Ngành khoa học nghiên cứu thế giới tự nhiên bên ngoài trái đất được gọi là thiên văn học. Đó là các nghiên cứu về trái đất, các vì sao, các dải thiên hà và vũ trụ. Nhà thiên văn học tiến hành nghiên cứu, cải tiến hoặc phát triển các lý thuyết và phương pháp vận hành, hoặc áp dụng kiến thức khoa học liên quan tới thiên văn học vào các lĩnh vực công nghiệp, y học, quốc phòng... Nhà thiên văn học hiện đại không còn dành nhiều thời gian quan sát qua kính viễn vọng, mà tập trung phân tích số liệu trên máy tính. Họ cũng thường tham gia giảng dạy ở các trường.

28. Nhà khí tượng học (*Meteorologist*)

Nhà khí tượng học tiến hành nghiên cứu, cải tiến hoặc phát triển các khái niệm, lý thuyết và phương pháp hoạt động liên quan đến các thành phần, cấu trúc và những biến đổi của bầu khí quyển. Họ dự báo thời tiết một cách chi tiết hoặc dài hạn để sử dụng trong ngành hàng không, vận tải biển, nông nghiệp và thông tin đại chúng.

29. Nhà hoá học (*Chemist*)

Nhà hóa học thực hiện các nghiên cứu, cải tiến hoặc phát triển các khái niệm, học thuyết và các phương pháp hoạt động, hoặc ứng dụng các kiến thức khoa học liên quan vào hóa học, chủ yếu để kiểm nghiệm, phát triển và cải tiến các nguyên liệu, các sản phẩm và các qui trình công nghiệp.

30. Nhà địa chất (*Geologist*)

Các nhà địa chất nghiên cứu cấu trúc vật lý của lớp vỏ trái đất, quá trình hình thành đá và hóa thạch để xác định từng bước thay đổi và lịch sử phát triển của trái đất, xác định vị trí khoáng sản và nhiên liệu.

31. Nhà địa lý (*Geographer*)

Nhà địa lý nghiên cứu các đặc điểm và tác dụng của bề mặt trái đất trong mối tương quan với các hiện tượng vật lý và văn hoá xã hội.

32. Nhà toán học (*Mathematician*)

Toán học là nền tảng cho tất cả các ngành khoa học. Toán học có thể nặng về lý thuyết hoặc thiên về ứng dụng. Các nhà toán học và các nhà nghiên cứu liên quan tới toán học tiến hành nghiên cứu và phát triển các khái niệm toán học và tính toán rủi ro, các lý thuyết, các phương pháp và kỹ thuật vận hành. Họ tư vấn cho các chuyên gia hoạt động trong nhiều lĩnh vực như kỹ thuật, kinh doanh, y tế, khoa học, đời sống tự nhiên và xã hội. Nhiệm vụ cụ thể của một nhà toán học phụ thuộc vào lĩnh vực cụ thể mà người đó chuyên sâu.

33. Nhà thống kê (*Statistician*)

Nhà thống kê ứng dụng toán học vào phân tích số liệu, ví dụ như quyết định lựa chọn việc làm chịu ảnh hưởng lớn từ các yếu tố nào: mức lương hay thời hạn hợp đồng? Một nhãn hiệu trà mới có thể bán chạy ở khu vực thành thị hay nông thôn? Đây là những ví dụ thống kê đơn giản. Hầu hết các nhà nghiên cứu, hoạch định và quản lý phụ thuộc rất nhiều vào các nhà phân tích thống kê.

34. Thống kê bảo hiểm (*Actuarial Scientist*)

Chuyên gia tính phí bảo hiểm nắm rõ việc tính toán các rủi ro. Họ là những chuyên gia trong việc tính phí bảo hiểm đối với những dạng rủi ro khác nhau dựa trên các tính toán tài chính, toán học và thống kê.

35. Nhà sinh vật học (*Biologist*)

Các nhà sinh vật học nghiên cứu về sự sống và các hệ sinh vật. Họ tiến hành nghiên cứu, cải tiến hoặc phát triển các lý thuyết và phương pháp vận hành cũng như áp dụng kiến thức khoa học liên quan tới sinh vật học, vi sinh vật học, vi khuẩn học, tế bào học, nghiên cứu gen, động vật học, thực vật học và sinh thái học, đặc biệt trong các lĩnh vực dược và nông nghiệp.

36. Nhà khoa học biển (*Marine Scientist*)

Nhà khoa học biển chủ yếu làm việc ở đại dương. Tùy thuộc vào chuyên môn mà họ nghiên cứu những vật thể không có sự sống (ví dụ như đất, đá ở đáy biển, nước, cát...) hoặc vật thể sống trong đại dương (ví dụ như động vật biển, sinh vật biển...). Các nhà khoa học biển sử dụng máy móc thiết bị chuyên dụng, hình ảnh vệ tinh và lặn dưới nước để thu thập dữ liệu về các đại dương. Họ góp phần bảo vệ môi trường bằng cách phát minh ra phương pháp bảo vệ các vùng nước và bờ biển khỏi ô nhiễm và thiệt hại. Họ ứng dụng kết quả nghiên cứu để phát triển các phương pháp dự báo, đánh giá điều kiện môi trường đại dương, xác định khu vực khai thác, đánh bắt thủy sản, cải thiện an ninh vùng biển của một quốc gia.

37. Kỹ sư và kỹ thuật viên công nghệ sinh học (Engineer: Biotechnologist)

Kỹ sư và kỹ thuật viên công nghệ sinh học áp dụng các nguyên tắc sinh học ở cấp độ “công nghiệp” để kiểm soát, cải tiến và quản lý các quá trình biến đổi về mặt sinh học tồn tại trong tự nhiên như sự lên men, quá trình sản xuất chất xúc tác enzyme. Công nghệ sinh học có nhiều ứng dụng trong các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, nông nghiệp, quản lý môi trường và bảo chế thuốc.

38. Kỹ thuật y sinh (Biomedical Engineer)

Người làm kỹ thuật y sinh tiến hành nghiên cứu các khía cạnh khác nhau của con người hay các loài động vật nhằm kiểm tra, chứng minh hoặc điều chỉnh hệ thống lý thuyết về sự sống đã biết. Những thông tin này được sử dụng để thiết kế bộ máy hỗ trợ cho sự sống, tối đa hoá lợi ích của các nguyên tắc trong khoa học kỹ thuật và hành vi của sinh vật.

39. Nhà nông học (Agricultural Scientist)

Dựa vào nguyên tắc hóa sinh, vi sinh học, di truyền học và các khoa học khác, các nhà nông học tham gia nghiên cứu và phát triển các ứng dụng về các lĩnh vực nông nghiệp khác nhau như trồng trọt, chăn nuôi, thổ nhưỡng...

40. Kỹ sư thủy sản (Engineer: Marine/ Fishery Scientist and Aquaculturist)

Kỹ sư thủy sản chuyên về nuôi trồng, đánh bắt các loài cá và thủy sản khác. Họ có thể làm việc về thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

41. Kỹ sư và kỹ thuật viên lâm nghiệp (Forestry Advisor)

Kỹ sư và kỹ thuật viên lâm nghiệp cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn về các vấn đề và các phương thức lâm nghiệp.

42. Chuyên gia bảo vệ môi trường (Environmental Engineer)

Chuyên gia bảo vệ môi trường nghiên cứu, đánh giá và quản lý tác động của các hoạt động của con người đối với môi trường tự nhiên và nhân tạo. Họ áp dụng chuyên môn vào quản lý ô nhiễm, quản lý chất thải, ứng phó với biến đổi khí hậu và sự cạn kiệt, thoái hóa các nguồn lực tự nhiên. Họ phát triển các kế hoạch, giải pháp để bảo vệ, bảo tồn, phục hồi, giảm thiểu tác hại tới môi trường.

43. Kỹ sư công nghiệp (Industrial Engineer)

Kỹ sư công nghiệp quản lý sự vận hành của toàn bộ nhà máy, đảm bảo rằng các quy trình hoạt động hiệu quả, an toàn và có tính kinh tế.

44. Chuyên gia công nghệ thực phẩm và đồ uống (*Food and Drink Technologist*)

Chuyên gia công nghệ thực phẩm và đồ uống cải tiến các kỹ thuật chế biến, bảo quản, sử dụng và đánh giá thành phần thực phẩm và đồ uống từ động thực vật hoặc nguyên liệu nhân tạo.

45. Kỹ sư xây dựng (*Civil Engineer*)

Các kỹ sư xây dựng áp dụng toán học, vật lý và hóa học để xây dựng các công trình nhà ở, nhà thương mại, đường giao thông, cầu, đập nước, mạng lưới cấp nước, mạng lưới thoát nước, bến cảng, kênh rạch, bến, sân bay, hệ thống đường sắt.

46. Kỹ sư ô tô (*Automobile Engineer*)

Kỹ sư ô tô thiết kế, thử nghiệm, phát triển và chỉ đạo sản xuất các loại ô tô như xe hơi, xe tải, xe buýt, xe bồn, xe đua... Họ giúp ngành công nghiệp ô tô đáp ứng những yêu cầu mới như tăng độ an toàn, tiết kiệm nhiên liệu và tiêu chuẩn môi trường.

47. Kỹ sư cơ khí (*Mechanical Engineer*)

Kỹ sư cơ khí làm công việc có liên quan tới quá trình lắp đặt, hoạt động và bảo trì máy móc trong các ngành công nghiệp. Họ giải quyết các vấn đề kỹ thuật hàng ngày để nâng cao hiệu quả và năng suất.

48. Kỹ sư hóa học (*Chemical Engineer*)

Kỹ sư hóa học áp dụng các kiến thức hóa học, vật lý và toán học để biến đổi các hóa chất trong nguyên liệu, hóa chất tổng hợp thành các dạng hữu ích hơn hoặc có giá trị hơn (ví dụ như xăng dầu, cao su...). Kỹ sư hóa học cũng tạo ra các loại vật liệu và các kỹ thuật mới được sử dụng trong các ngành công nghiệp khác.

49. Kỹ sư luyện kim (*Metallurgical Engineer*)

Các kỹ sư luyện kim là những chuyên gia về công nghệ chế tạo kim loại và vận dụng các nguyên tắc vật lý để xử lý kim loại tùy theo mục đích ứng dụng. Họ nghiên cứu tính chất vật lý và hóa học của các kim loại và hợp kim.

50. Kỹ sư vật liệu (*Engineer: Materials*)

Kỹ sư vật liệu kiểm định các tính chất của những loại vật liệu tự nhiên và tổng hợp như kim loại, gốm, sứ, polyme, gỗ và các nguồn tài nguyên khác nhằm nâng cao chất lượng cho các ứng dụng công nghiệp và thương mại.

51. Kỹ sư điện (*Electrical Engineer*)

Kỹ sư điện làm công việc có liên quan tới việc phát và truyền tải điện. Họ lắp đặt, vận hành và duy trì mạng lưới điện. Kỹ sư điện cũng là những chuyên gia về các mạch điện trong các sản phẩm như máy tính và các thiết bị gia dụng.

52. Kỹ sư điện tử (*Electronics Engineer*)

Kỹ sư điện tử thiết kế hệ thống điện tử được vận hành bởi các đơn vị điện năng nhỏ trong các thiết bị liên lạc (ví dụ như điện thoại di động), các phần tử bên trong máy tính, đồng hồ đeo tay, đồ điện tử gia dụng và các thiết bị điện tử tương tự.

53. Kỹ sư viễn thông (*Telecommunications Engineer*)

Các kỹ sư viễn thông tiến hành nghiên cứu, tư vấn, thiết kế, chỉ đạo việc xây dựng, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các hệ thống và thiết bị viễn thông. Họ nghiên cứu và tư vấn về các khía cạnh kỹ thuật của vật liệu, sản phẩm hay quá trình kỹ thuật viễn thông.

54. Kỹ sư vũ trụ, hàng không (*Aerospace/Aeronautical Engineer*)

Kỹ sư vũ trụ, hàng không là chuyên gia trong việc thiết kế và sản xuất các loại thiết bị bay. Họ cũng thực hiện các công việc duy tu, bảo dưỡng máy bay. Kỹ thuật hàng không vũ trụ cũng có thể mở rộng đến tàu vũ trụ, vệ tinh cũng như các hệ thống kiểm soát và hướng dẫn các máy bay từ xa.

55. Thú y (*Veterinarian*)

Chuyên gia thú y áp dụng các nguyên tắc y học để điều trị và kiểm soát dịch bệnh trong gia súc gia cầm và vật nuôi. Họ tiến hành nghiên cứu, cải tiến, phát triển các khái niệm, học thuyết và phương pháp hoạt động, và áp dụng các kiến thức y khoa vào lĩnh vực thú y.

56. Dược sĩ (*Pharmacist*)

Dược sĩ nghiên cứu, cải tiến, phát triển các khái niệm, học thuyết và phương pháp hoạt động dược phẩm bằng cách chuẩn bị, phân phối và bán dược phẩm và thuốc.

57. Kế toán (*Accountant*)

Kế toán theo dõi các hoạt động tài chính của một tổ chức. Họ lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và thực hiện hệ thống kế toán cho tổ chức. Có nhiều phân hành kế toán khác nhau và có nhiều vị trí trong hệ thống kế toán của một tổ chức. Nhiệm vụ cụ thể của một kế toán phụ thuộc vào công việc cụ thể mà người đó đảm nhận.

58. Chuyên gia phân tích tài chính (*Financial Analyst*)

Chuyên gia phân tích tài chính điều tra, nghiên cứu các quá trình tác động tới các hoạt động tài chính của khu vực công hoặc các tổ chức tư nhân. Các hoạt động này bao gồm các chương trình nghiên cứu hay các kế hoạch ngân sách và tài chính.

59. Chuyên gia quản trị dầu khí (*Administration Specialist: Oil and Gas*)

Chuyên gia quản trị dầu khí là chuyên gia lập kế hoạch và quản lý hoạt động khai thác dầu và khí đốt.

60. Chuyên gia quản trị giao thông (*Administration Specialist: Transport*)

Chuyên gia quản trị giao thông lưu giữ hồ sơ và quản lý vận hành các dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa trong các hệ thống giao thông đường bộ, đường không, đường sắt, đường thủy...

61. Chuyên gia quản trị năng lượng (*Administration Specialist: Energy Management*)

Chuyên gia quản trị năng lượng là những chuyên gia trong việc mua bán, trao đổi, phân phối và sử dụng năng lượng để đáp ứng các yêu cầu cụ thể, có tính đến các mục tiêu môi trường và kinh tế.

62. Chuyên gia phát triển phần mềm (*Computer Scientist: Software Developer*)

Chuyên gia phát triển phần mềm nghiên cứu, phân tích và đánh giá các yêu cầu đối với các phần mềm ứng dụng sẵn có hoặc phần mềm và hệ điều hành mới. Họ thiết kế, phát triển, thử nghiệm và duy trì các giải pháp phần mềm nhằm đáp ứng tất cả các yêu cầu.

63. Nhà kinh tế học (*Economist*)

Nhà kinh tế học hiểu cách làm cho một quốc gia trở nên thịnh vượng bằng cách sử dụng nguồn lực của quốc gia đó một cách năng suất và hiệu quả. Họ tiến hành nghiên cứu, theo dõi và phân tích thông tin số liệu, làm các báo cáo và kế hoạch để giải quyết các vấn đề về kinh tế và kinh doanh, phát triển các mô hình phân tích, lý giải và dự báo hành vi và xu hướng kinh tế. Họ tư vấn cho doanh nghiệp, các nhóm lợi ích và chính phủ để xây dựng các giải pháp cho các vấn đề kinh tế và kinh doanh hiện tại và tương lai.

64. Chuyên viên thương mại quốc tế (*International Trade (Exporter – Importer)*)

Đây là lĩnh vực liên quan tới nhiều khía cạnh của thương mại. Các hoạt động bao gồm: đàm phán hợp đồng thương mại, tạo điều kiện cho việc vận chuyển hàng hoá, phân phối sản phẩm và dịch vụ, các hiệp định thương mại, lưu kho

hàng hoá... Phạm vi công việc của họ bao gồm từ việc thiết lập các thoả thuận giữa nhà sản xuất và đại lí bán lẻ trong một quốc gia cho tới các hoạt động kinh doanh quốc tế.

65. Chuyên viên ngân hàng, quỹ đầu tư (*Investment Banker*)

Chuyên viên ngân hàng, quỹ đầu tư là các chuyên gia tạo ra các sản phẩm và dịch vụ tài chính (chẳng hạn như đề án quỹ tương hỗ). Họ xử lí lượng lớn các giao dịch và chuyên về các quỹ đầu tư và cho vay liên kết với mục tiêu làm thế nào để có lợi nhất cho những người sở hữu quỹ.

66. Kỹ sư và kỹ thuật viên âm thanh (*Sound Engineer*)

Kỹ sư và kỹ thuật viên kỹ thuật âm thanh vận hành máy móc, thiết bị để ghi lại, đồng bộ hoá, phối âm hoặc sao chép các hiệu ứng về âm thanh, giọng nói và âm nhạc trong các phòng thu, đấu trường thể thao, nhà hát, rạp chiếu phim, trường quay phim truyện và video.

67. Nhân viên giao dịch ngân hàng (*Bank Teller and Related Clerk*)

Nhân viên giao dịch ngân hàng và các nghề liên quan làm việc trực tiếp với khách hàng đến ngân hàng hoặc các bưu điện giao dịch, thực hiện các giao dịch liên quan tới nhận, gửi, chuyển, qui đổi và rút tiền.

Nhóm nghề hình học – màu sắc – thiết kế *Spatial Careers*

68. Kiến trúc sư xây dựng (*Building Architect*)

Các kiến trúc sư xây dựng thiết kế nhà ở, nhà thương mại và các công trình công nghiệp, qui hoạch đô thị, cảnh quan và các hệ thống giao thông. Họ cũng lập kế hoạch và giám sát xây dựng, bảo trì và cải tạo.

69. Kiến trúc sư cảnh quan/ nhà thiết kế cảnh quan (*Landscape Designer / Architect*)

Kiến trúc sư cảnh quan, còn gọi là nhà thiết kế cảnh quan, là những chuyên gia trong việc bố trí không gian mở. Họ làm bản thiết kế và kế hoạch thi công để làm đẹp khu đất trên đó có công trình xây dựng. Họ cũng thiết kế vườn hoa công viên, khu giải trí và khu nghỉ dưỡng. Công việc của họ đảm bảo rằng vùng đất xung quanh một công trình trông đẹp mắt và thân thiện với môi trường.

70. Nhà thiết kế sản phẩm/ kĩ thuật công nghiệp (*Product/ Industrial Designer*)

Nhà thiết kế sản phẩm, còn gọi là nhà thiết kế kĩ thuật công nghiệp, thiết kế hình thức của các sản phẩm chúng ta sử dụng hàng ngày sao cho hấp dẫn.

Trong khi các kĩ sư công nghiệp thiết kế kết cấu, chức năng hoạt động của máy móc, sản phẩm thì nhà thiết kế kĩ thuật công nghiệp thiết kế kiểu dáng hình thức của máy móc, sản phẩm không chỉ hấp dẫn mà còn hiệu quả và kinh tế.

71. Nhà thiết kế thời trang (*Fashion Designer*)

Nhà thiết kế thời trang thiết kế áo quần, phụ kiện và giày dép và tạo ra những bộ sưu tập và dòng sản phẩm thời trang. Họ vẽ phác thảo, lựa chọn chất liệu và hoa văn, và chỉ dẫn cách sản xuất sản phẩm vừa thiết kế.

72. Nhà thiết kế trang trí (*Decorator / Designer*)

Nhà thiết kế trang trí và sản phẩm trang trí có nhiệm vụ trang trí và thiết kế các đồ trang trí bằng đất sét, silicat, thủy tinh, đồ gốm và các vật liệu khác.

73. Nhà thiết kế vải sợi (*Textile Designer*)

Nhà thiết kế vải sợi là chuyên gia thiết kế vải vóc và hàng dệt may. Họ làm việc với nhà sản xuất, in ấn và thiết kế vải. Nhà thiết kế vải sợi biến sợi và chỉ thành sản phẩm dệt.

74. Trắc địa và khảo sát bản đồ (*Cartographer and Surveyor*)

Nhà trắc địa bản đồ sử dụng các phương pháp và kĩ thuật khảo sát để xác định vị trí chính xác các phân vùng tự nhiên, phân vùng đã được thi công, ranh giới đất, vùng biển, mặt đất và trong lòng đất, chuẩn bị/sửa bản đồ kĩ thuật số, đồ họa và ảnh.

75. Nhà thiết kế truyền thông đa phương tiện và đồ họa (*Graphic and Multi Media Designer*)

Nhà thiết kế truyền thông đa phương tiện thiết kế nội dung hình ảnh và âm thanh để truyền thông dưới dạng in ấn, phim, điện tử, kĩ thuật số và các phương tiện nghe nhìn khác. Họ tạo ra đồ họa, hiệu ứng đặc biệt, hình ảnh hoạt hình và các hình ảnh khác để sử dụng trong trò chơi điện tử, phim ảnh, video ca nhạc, bản in và quảng cáo.

76. Nhà thiết kế đồ họa hoạt hình (*Animation Designer*)

Nhà thiết kế đồ họa hoạt hình sử dụng máy tính và các thiết bị quay phim để tạo ra các hình ảnh chuyển động mang tính ảo giác. Hình ảnh hai hay ba chiều hoặc nhân vật được hiển thị một số lần nhất định khi di chuyển từ điểm này đến điểm kia, giả như thực hiện một hành động trong phim hoạt hình. Một giây chuyển động đòi hỏi 24 hình ảnh tĩnh, mỗi hình ảnh hơi khác nhau một chút. Ban đầu tất cả các hình ảnh tĩnh được vẽ tay. Ngày nay người ta sử dụng máy tính và các thiết bị khác.

77. Chuyên viên vẽ kỹ thuật (*Draughtsperson*)

Kỹ thuật viên vẽ kỹ thuật chuẩn bị các bản vẽ kỹ thuật, bản đồ và các bản minh họa từ các bản phác thảo, các số đo và các số liệu khác và các bản thảo và bản vẽ trên các bản in. Họ cũng sao chép hoặc phóng to bản vẽ để chuẩn bị cho việc in ấn.

78. Nhiếp ảnh (*Photographer*)

Nhà nhiếp ảnh sử dụng khả năng tư duy, sáng tạo của bản thân và các kỹ thuật của máy ảnh để chụp ảnh. Họ cũng có thể chụp hình ảnh động, sử dụng máy quay video và các thiết bị khác để ghi lại và chỉnh sửa cả hình ảnh và âm thanh.

79. Nhà thiết kế và trang trí nội thất (*Interior Designer and Decorator*)

Các nhà thiết kế và trang trí nội thất thiết kế bên trong (đôi khi cả bên ngoài) ngôi nhà, công trình và phương tiện để làm cho nó trở nên đẹp và thoải mái. Họ là những chuyên gia về đồ nội thất và đồ dùng trong nhà, đồ trang trí, ván sàn, sơn và tất cả các khía cạnh liên quan đến việc hoàn thiện công trình.

80. Nhà thiết kế sản phẩm thủ công mỹ nghệ (*Crafts Designer*)

Thủ công mỹ nghệ là một nét văn hóa. Mỗi nhóm dân tộc, mỗi địa phương đều có các hình thức thủ công của mình. Ban đầu, một số sản phẩm thủ công ra đời một cách tự phát. Sau đó, những người kinh doanh và Nhà nước có sáng kiến tạo các sản phẩm thủ công đặc trưng và phù hợp với đối tượng sử dụng rộng rãi hơn. Nhà thiết kế thủ công mỹ nghệ thiết kế sao cho những sản phẩm thủ công mỹ nghệ có sức hấp dẫn và phù hợp với nhiều người hơn.

81. Nhà thiết kế quảng cáo (*Commercial Artist*)

Nhà thiết kế quảng cáo vẽ, đưa ra ý tưởng, sử dụng màu sắc và thiết kế để tạo cho sản phẩm quảng cáo hấp dẫn hơn bình thường. Các hình ảnh trong các quảng cáo, cách quảng cáo được trình bày, các lô-gô và biểu tượng của công ty là công việc và sự thể hiện trí tuệ của nhà thiết kế quảng cáo. Điều khắc, hội họa, vẽ, phim hoạt hình, khắc hoặc sử dụng các kỹ thuật liên quan là những kỹ thuật mà họ sử dụng.

82. Họa sĩ biếm họa, truyện tranh (*Cartoonist*)

Họa sĩ biếm họa, truyện tranh là người nghệ sĩ sử dụng khả năng của mình để vẽ, cụ thể hóa, sử dụng màu sắc và thiết kế để lột tả hành vi con người, sự kiện hay một vấn đề và trình bày một cách hài hước hoặc gợi mở suy nghĩ.

83. Nghệ sĩ mỹ thuật (*Fine Artist*)

Nghệ sĩ mỹ thuật là những người tạo ra các tác phẩm nghệ thuật thông qua các phương tiện khác nhau như màu vẽ, điêu khắc, nhiếp ảnh... Nghệ sĩ mỹ thuật

có khả năng biến ý tưởng, suy nghĩ, thông điệp thành hình dạng cụ thể cho người khác thưởng thức.

84. Nhà quay phim (*Cinematographer*)

Quay phim là quá trình ghi hình một bộ phim và đảm bảo rằng có sự phối hợp giữa các diễn viên và đội ngũ ghi hình. Các nhà quay phim là đạo diễn hình ảnh và đảm bảo rằng hành động được ghi lại chính xác.

85. Kỹ thuật viên bao bì (*Packaging Technologist*)

Sản phẩm cần được bao gói, đóng hộp, đóng chai trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ. Kỹ thuật viên bao bì lập kế hoạch, phát triển và chỉ đạo các hoạt động liên quan đến việc thiết kế, phát triển, sản xuất và tiếp thị các sản phẩm bao bì bảo vệ, bảo quản, vận chuyển và trang trí và công nghệ đóng gói. Ngành bao bì đóng gói sử dụng giấy, bìa, thủy tinh, nhựa, nhôm và nhiều vật liệu khác để sản xuất hộp, gói, túi, bình, ống, thùng... làm bao bì cho sản phẩm hàng hóa khác.

86. Kỹ thuật viên giấy (*Paper Technologist*)

Kỹ thuật viên giấy đảm nhiệm công tác kỹ thuật trong quá trình sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy. Quá trình này bao gồm các công việc tập kết nguyên liệu, làm bột giấy, nghiền, xeo, ép, sấy, cán và cuộn để cuối cùng ra sản phẩm giấy. Ngày nay tái chế giấy và sản phẩm từ giấy là một phần của ngành công nghiệp sản xuất giấy.

87. Thợ thẩm mỹ (Làm đẹp) (*Cosmetologist, Beautician*)

Thợ thẩm mỹ, còn được gọi là thợ làm đẹp, là chuyên gia trong “quản lý ngoại hình”. Họ cắt và tạo dáng tóc, cạo và cắt tỉa râu, chăm sóc sắc đẹp, sử dụng mỹ phẩm và trang điểm, và thực hiện các dịch vụ và liệu pháp chăm sóc khác cho khách hàng để cải thiện ngoại hình của họ.

88. Người làm vườn và trồng hoa, cây cảnh (*Gardener and Horticulturist*)

Người làm vườn, vườn ươm và trồng hoa, cây cảnh lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động cần thiết để trồng thâm canh và chăm sóc hoa và cây trồng. Ngoài ra, họ còn sản xuất cây, củ và hạt giống, cung cấp hoặc bán thường xuyên cho cơ sở bán buôn, doanh nghiệp kinh doanh thương mại hoặc trực tiếp bán ra thị trường.

89. Nhà thiết kế trang sức (*Jewellery Designer*)

Nhà thiết kế trang sức áp dụng các nguyên tắc nghệ thuật và khoa học để thiết kế các sản phẩm kim hoàn, đồ trang sức phục vụ cho trang điểm, nghi lễ, tôn giáo hoặc công nghiệp.

90. Thợ thủ công trong ngành gỗ và vật liệu liên quan (*Handicraft Worker: Wood and Related Materials*)

Thợ thủ công trong ngành gỗ và vật liệu liên quan áp dụng các kỹ thuật truyền thống để xử lý gỗ, rơm, mây, song, sậy, đá, đất sét, vỏ mai động vật và các nguyên vật liệu khác; khắc, chạm, đục, đục, nặn, lắp ráp, dệt, sơn và trang trí các sản phẩm khác nhau cho mục đích sử dụng cá nhân, gia dụng và trang trí. Họ cũng có thể lựa chọn và sử dụng nguyên vật liệu nhân tạo như ni lông, vải dệt để làm thành các đồ đan, bàn chải, chổi và các loại rổ rá khác nhau.

91. Thợ thủ công trong ngành dệt may và da giày (*Handicraft Worker: Textile and Leather*)

Thợ thủ công trong ngành dệt may, da giày và các vật liệu liên quan áp dụng các kỹ thuật và hoa văn truyền thống để sản xuất vải dệt, chi tiết đan, thêu, đắp nổi và kỹ thuật thủ công khác trong sản phẩm may mặc và gia dụng như giày dép truyền thống, túi xách, thắt lưng và phụ kiện khác.

92. Kỹ thuật viên sản xuất hàng may mặc (*Garment Manufacture and Related Technician*)

Kỹ thuật viên sản xuất hàng may mặc chuyên thiết kế và giám sát sản xuất hàng may mặc đại trà. Họ cũng có thể chuyên về máy móc thiết bị sản xuất hàng may mặc.

93. Kỹ thuật viên in ấn (*Printing Technologist*)

Kỹ thuật viên in ấn tiến hành nghiên cứu, phát triển, thực hiện và giám sát qui trình in ấn tốt hơn, kinh tế hơn để sử dụng trong ngành công nghiệp in ấn.

94. Kỹ thuật viên thuộc da (*Leather Technologist*)

Kỹ thuật viên thuộc da sử dụng các qui trình khác nhau để sản xuất da thuộc phù hợp với tiêu chuẩn đã được qui định. Họ bảo quản và sấy khô để làm da thuộc tốt hơn. Họ cũng là chuyên gia trong việc lập kế hoạch, thiết kế, lắp đặt thiết bị, máy móc mới và có chuyên môn để nghiên cứu dầu, thuốc nhuộm, mạ crom, thuộc da và sản phẩm được sử dụng trong công nghiệp sản xuất da, hàng hoá thể thao, da may mặc và các loại hình tương tự như vậy.

95. Thợ may (*Tailor and Dressmaker*)

Thợ may may quần áo, váy... từ các loại vải, da hoặc nguyên liệu khác. Thợ may cũng thực hiện công việc thay đổi, sửa chữa sản phẩm may mặc hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hàng may mặc.

Nhóm nghề làm việc với con người
Personal Careers

96. Bác sĩ y khoa (*Allopathic Medical Doctor*)

Bác sĩ y khoa khám và chữa bệnh cho những người bị ốm, bệnh tật hoặc tai nạn thương tật khác. Họ cũng tiến hành nghiên cứu, cải tiến và phát triển các khái niệm, lý thuyết và phương pháp phòng và khám chữa bệnh, làm công tác giảng dạy chuyên môn và tuyên truyền giáo dục sức khỏe.

97. Y tá và hộ sinh (*Nurse and Midwife*)

Y tá hỗ trợ các bác sĩ khi họ thực hiện nhiệm vụ và phục vụ các bệnh nhân bị ốm, bị thương hoặc khuyết tật. Trong các y tá có hộ sinh là người hỗ trợ quá trình sinh nở, chăm sóc bà mẹ và trẻ em trước và sau khi sinh, hướng dẫn gia đình trong việc chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh.

98. Bác sĩ y học cổ truyền (*Medical Doctor: Traditional Medicine*)

Bác sĩ y học cổ truyền khám, điều trị, phòng ngừa bệnh tật và chấn thương liên quan đến các bệnh thể chất và tinh thần cho bệnh nhân bằng phương pháp và thuốc y học cổ truyền. Họ áp dụng các kiến thức và kỹ năng thực hành có được thông qua nghiên cứu sâu rộng các lý thuyết, niềm tin và giá trị bắt nguồn từ nền văn hóa và y học dân tộc bản địa.

99. Nha sĩ (*Dentist*)

Các nha sĩ, còn gọi là bác sĩ nha khoa, điều trị các bệnh và các rối loạn răng, nướu và mô mềm của miệng.

100. Chuyên gia phục hồi chức năng nghề nghiệp (*Occupational Therapist*)

Chuyên gia phục hồi chức năng nghề nghiệp giúp đỡ bệnh nhân trong quá trình phục hồi nghề nghiệp sau khi bị bệnh hoặc tai nạn bằng cách đưa họ tham gia các công việc mang tính sáng tạo, nghề nghiệp hoặc thủ công như làm vườn, tập thể dục, trò chơi và âm nhạc theo hướng dẫn của bác sĩ.

101. Chuyên gia vật lý trị liệu (*Physiotherapist*)

Chuyên gia vật lý trị liệu tiến hành trị liệu các rối loạn về xương, cơ và các bộ phận của hệ tuần hoàn hoặc hệ thần kinh. Khách hàng của họ bao gồm những người khuyết tật, bị bệnh tâm thần, người già và những người đang phục hồi sau thời gian dài bệnh tật, tai nạn hoặc phẫu thuật.

102.Chuyên gia dinh dưỡng (*Dietician and Nutritionist*)

Chuyên gia dinh dưỡng tiến hành nghiên cứu, cải tiến hoặc phát triển các khái niệm, phương pháp thực hiện liên quan đến việc chuẩn bị, áp dụng các chế độ ăn uống cho điều trị và các mục đích khác.

103.Bác sĩ thính học và trị liệu ngôn ngữ (*Audiologist and Speech Therapist*)

Bác sĩ thính học và trị liệu ngôn ngữ xác định loại và mức độ khuyết tật ảnh hưởng đến chức năng nghe, nói, giao tiếp và nhai nuốt của con người. Họ chỉ định phương tiện hỗ trợ, thực hiện liệu pháp phục hồi chức năng và tư vấn cho bệnh nhân.

104.Giáo viên mầm non (*Pre-School Teacher*)

Giáo viên mầm non dạy trẻ em từ 3 đến 6 tuổi. Đây là giai đoạn đặt nền móng cho việc học tập và là giai đoạn quan trọng đối với quá trình giáo dục một con người.

105.Giáo viên tiểu học (*Primary School Teacher*)

Giáo viên tiểu học dạy trẻ em từ lớp 1 đến lớp 5. Họ chủ yếu tập trung xây dựng cơ sở vững chắc cho kỹ năng đọc, viết, tính toán cùng với các kỹ năng khác như thể chất, tâm lý, trí tuệ và xã hội.

106.Giáo viên giáo dục đặc biệt (*Special Needs Teacher*)

Giáo viên giáo dục đặc biệt dạy cho trẻ em, thanh thiếu niên, người lớn có khuyết tật về thể chất hay trí tuệ, hoặc những người có khó khăn về học tập.

107.Chuyên gia quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa (*Administration Specialist: Small & Medium Business Management*)

Chuyên gia quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là chuyên gia trong việc thành lập và phát triển DNNVV, hoặc trực tiếp quản lý mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của DNNVV. Tại Việt Nam, doanh nghiệp có tổng nguồn vốn không vượt quá 50 tỷ đồng hoặc không vượt quá 100 người lao động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ, và doanh nghiệp có tổng nguồn vốn không vượt quá 100 tỷ hoặc không vượt quá 300 người lao động trong các lĩnh vực khác thì được gọi là DNNVV.

108.Chuyên gia quản trị kinh doanh nông nghiệp (*Agribusiness Management*)

Chuyên gia quản trị kinh doanh nông nghiệp là người nghiên cứu, tổ chức, quản lý kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp cũng như đưa sản phẩm nông nghiệp đến tay người tiêu dùng.

109. Quản lý bán hàng và marketing (*Sales and Marketing Manager*)

Nhà quản lý bán hàng và marketing lập kế hoạch, chỉ đạo và điều phối hệ thống phân phối nhằm đảm bảo hàng hóa của doanh nghiệp đến nhà kho, cửa hàng và cuối cùng là đến với người tiêu dùng.

110. Quản lý bán lẻ và bán buôn (*Retail and Wholesale Manager*)

Nhà quản lý bán lẻ và bán buôn làm công tác quản lý chung trong doanh nghiệp bán buôn và bán lẻ, làm chủ đại lý bán buôn hoặc các doanh nghiệp bán lẻ, lập kế hoạch, chỉ đạo và điều phối các hoạt động kinh doanh.

111. Quản lý khách sạn (*Hotel/ HORECA Manager*)

Nhà quản lý khách sạn, nhà hàng lập kế hoạch, chỉ đạo và phối hợp các hoạt động kinh doanh của khách sạn, nhà hàng theo lĩnh vực chuyên môn. Họ có thể quản lý chung hoặc chuyên về một nghiệp vụ như tiền sảnh (đặt phòng cho khách ở khách sạn), nhà hàng Âu, nhà hàng Á, quầy đồ uống, quán cà phê (chuẩn bị và phục vụ đồ ăn, uống cho khách), buồng phòng (đảm bảo dịch vụ buồng, phòng cho khách), bếp nóng, bếp nguội, bếp bánh (mua nguyên liệu và chế biến món ăn cho khách)... Nhiệm vụ cụ thể của quản lý khách sạn, nhà hàng thay đổi tùy theo bộ phận mà người đó phụ trách.

112. Quản lý nông nghiệp (*Agriculture Manager*)

Nhà quản lý nông nghiệp là người làm chủ hoặc đại diện cho chủ sở hữu các trang trại, nông trường. Họ chịu trách nhiệm quản lý chung, lập kế hoạch, chỉ đạo và điều phối các hoạt động sản xuất kinh doanh.

113. Quản trị bệnh viện (*Hospital Administrator*)

Nhà quản trị bệnh viện là chuyên gia về quản trị và quản lý của ngành y tế. Họ đảm bảo rằng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe được thực hiện một cách hiệu quả cho bệnh nhân và gia đình thông qua các bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu và các tổ chức cung cấp các loại hình dịch vụ y tế khác nhau.

114. Quản trị nhân lực (*Human Resource Manager*)

Nhà quản trị nhân lực lập kế hoạch, điều phối các hoạt động của một tổ chức để thực hiện chiến lược nhân lực một cách tốt nhất.

115. Chuyên gia quản lý đô thị (*Administration Specialist: Urban Management*)

Chuyên gia quản lý đô thị xây dựng và triển khai các kế hoạch, chiến lược liên quan đến sử dụng đất, thiết kế môi trường đô thị, kế cả hệ thống giao thông, hướng dẫn và đảm bảo sự phát triển có trật tự ở các khu dân cư và cộng đồng. Công việc còn liên quan tới việc nghiên cứu, phân tích, tư duy chiến lược,

kiến trúc, thiết kế đô thị, tham vấn cộng đồng, khuyến nghị chính sách, thực hiện quản lý đô thị.

116.Cán bộ quan hệ lao động (*Labour Relations Officer*)

Cán bộ quan hệ lao động là chuyên gia trong lĩnh vực xây dựng và duy trì quan hệ lao động hài hòa giữa người sử dụng lao động và người lao động của một doanh nghiệp. Họ hiểu biết sâu về luật lao động và quan tâm tới các điều kiện làm việc thích hợp cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho cả doanh nghiệp và người lao động trong dài hạn.

117.Chuyên gia dịch vụ pháp lý (*Legal Services Specialist*)

Chuyên gia dịch vụ pháp lý, còn gọi là thư ký luật, sử dụng kiến thức chuyên môn để trợ giúp các chuyên gia pháp lý trong thông tin liên lạc, tài liệu, hỗ trợ nội bộ, hỗ trợ thủ tục và các hoạt động phối hợp quản lý nội bộ trong các văn phòng luật sư, ban pháp chế của các doanh nghiệp lớn và các cơ quan Nhà nước. Họ cũng có thể hỗ trợ các nhà quản lý, chuyên gia pháp lý, các chuyên gia kinh tế có liên quan đến các vấn đề pháp lý, bao gồm cả những người có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, cho vay vốn và các giao dịch tài chính khác.

118.Nhà tâm lý học (*Psychologist*)

Nhà tâm lý học nghiên cứu các quá trình tâm lý và hành vi của cá nhân hoặc nhóm người. Họ áp dụng kiến thức này để thúc đẩy, điều chỉnh sự phát triển của cá nhân, xã hội, giáo dục hoặc nghề nghiệp.

119.Nhà tư vấn tâm lý (*Counsellor*)

Nhà tư vấn tâm lý hướng dẫn hoặc tư vấn cho các cá nhân nhằm giúp họ đối phó với những khó khăn về tâm lý, tình cảm và căng thẳng liên quan đến cuộc sống hàng ngày. Những khó khăn đó có thể liên quan đến học tập, nghề nghiệp, hôn nhân, cuộc sống gia đình và phát triển cá nhân.

120.Nhà tư vấn nghề nghiệp (*Career Counsellor*)

Nhà tư vấn nghề nghiệp áp dụng các nguyên tắc tâm lý học nghề nghiệp để giúp khách hàng hiểu bản thân mình, hiểu thế giới nghề nghiệp, xây dựng các phương án chọn nghề và chuẩn bị cho nghề nghiệp. Công việc của người này là phỏng vấn khách hàng, cho làm bản câu hỏi và sử dụng kết quả này để xác định năng lực của khách hàng. Nhà tư vấn cũng cung cấp thông tin cho khách hàng về các nghề nghiệp khác nhau. Nhà tư vấn làm việc với khách hàng tại những thời điểm quan trọng trong việc quyết định nghề nghiệp (ví dụ như cuối trung học phổ thông, trung học cơ sở, sau khi tốt nghiệp các cơ sở đào tạo). Nhà tư vấn nghề nghiệp cũng có thể giúp những người đang có vấn đề

về nghề nghiệp (ví dụ như những người không thích nghề của mình, người mất việc làm). Họ có thể tư vấn cá nhân hoặc tư vấn nhóm.

121.Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh (*Medical Technologist: Medical Imaging*)

Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh phụ trách các thiết bị chẩn đoán hình ảnh trợ giúp các bác sĩ xác định về tình trạng bệnh tật có thể có của bệnh nhân, như máy X quang, điện tim, siêu âm, nội soi, chụp cắt lớp, cộng hưởng từ... Người làm nghề này hiểu về cơ thể con người, điều kiện y tế và chăm sóc bệnh nhân. Họ cũng nắm vững cách vận hành thiết bị và lưu giữ hồ sơ.

122.Kỹ thuật viên nhãn khoa (*Medical Technologist: Optometry*)

Kỹ thuật viên nhãn khoa, còn gọi là y tá nhãn khoa, hỗ trợ chẩn đoán, điều trị các vấn đề sức khỏe liên quan đến thị giác và mắt, bao gồm đo và chỉ định kính, kính áp tròng, chẩn đoán và điều trị (không bao gồm phẫu thuật) bất thường về cơ, chấn thương mắt nhỏ, chẩn đoán, điều trị các bệnh như bệnh tăng nhãn áp và các chẩn đoán khác như tổn thương võng mạc do tiểu đường. Tiến hành giáo dục sức khỏe, chăm sóc thị lực cho các nhóm bệnh nhân đặc biệt – đó là các công việc của y tá nhãn khoa.

123.Kỹ thuật viên trị liệu về tim mạch, hô hấp (*Medical Technologist: Respiratory Therapy Technology*)

Kỹ thuật viên trị liệu về tim mạch, hô hấp chuyên về thiết bị liên quan đến trợ tim, hô hấp và thở. Họ sắp xếp và bảo trì các thiết bị gây mê trong các phòng phẫu thuật và phòng khám. Họ thường hỗ trợ bác sĩ gây mê trong các cuộc phẫu thuật.

124.Đại lý bảo hiểm (*Insurance Agent*)

Đại lý bảo hiểm bán bảo hiểm nhân thọ, tai nạn, ô tô, trách nhiệm dân sự, hỏa hoạn, hàng hải và sản phẩm bảo hiểm khác cho các khách hàng mới và khách hàng hiện hữu.

125.Nhà quản lý sự kiện (*Event Manager*)

Nhà quản lý sự kiện làm công việc quản lý và điều hành sự kiện. Họ tổ chức và phối hợp các dịch vụ cho các hội nghị, sự kiện, tiệc, đám cưới, triển lãm, hội thảo và các sự kiện đặc biệt.

126.Chuyên gia quản trị bất động sản (*Administration Specialist: Real Estate*)

Chuyên gia quản trị bất động sản, còn gọi là đại lý bất động sản và quản lý tài sản, thay mặt khách hàng sắp xếp việc mua, bán, cho thuê bất động sản, tài sản và hưởng lợi trên cơ sở nhận hoa hồng từ các thương vụ thực hiện được.

127.Nhân viên công tác xã hội (Social Worker)

Nhân viên công tác xã hội được đào tạo và làm việc với các nhóm và cộng đồng. Họ được trang bị kỹ năng để tìm hiểu các vấn đề xã hội, hướng dẫn cho đối tượng gặp khó khăn trong các vấn đề xã hội và vấn đề liên quan nhằm giúp họ tìm kiếm và sử dụng các nguồn lực để vượt qua khó khăn và đạt được mục tiêu cụ thể.

128.Đại lí du lịch và lữ hành (Travel and Tourism Agent)

Đại lí du lịch và lữ hành tiến hành tư vấn và tổ chức tour du lịch, lập kế hoạch hành trình và lịch trình đi lại, ăn nghỉ cho khách du lịch, tổ chức hoặc bán tour du lịch trọn gói cho khách.

129.Tiếp viên hàng không hoặc tiếp viên trên phương tiện vận tải (Air Hostess / Steward)

Tiếp viên, còn gọi là chiêu đãi viên, là người trực tiếp cung cấp dịch vụ cá nhân nhằm đảm bảo sự an toàn và thoải mái của hành khách. Họ phục vụ bữa ăn, đồ uống trên máy bay và trên tàu.

130.Thợ làm bánh kẹo (Baker and Confectioner)

Thợ làm bánh kẹo sản xuất ra các loại bánh mỳ, bánh ngọt và các sản phẩm bánh kẹo khác từ bột mỳ, sản xuất thủ công sôcôla và các loại bánh mứt kẹo.

Nhóm nghề thể chất – cơ khí Physical – Mechanical Careers

131.Kĩ sư bảo dưỡng máy bay (Aircraft Maintenance Engineer)

Các kĩ sư bảo dưỡng máy bay đảm bảo máy bay đủ điều kiện hoạt động. Họ chỉ đạo, giám sát và thực hiện việc bảo trì, sửa chữa và đại tu kết cấu và động cơ máy bay.

132.Kĩ sư mỏ (Mining Engineer)

Kĩ sư mỏ áp dụng các nguyên tắc vật lí, địa chất và hóa học để thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản thiên nhiên. Về bản chất, hoạt động khai thác này gây ra sự xáo trộn môi trường trong và xung quanh khu vực có khoáng sản. Do đó, kĩ sư mỏ ngày nay không phải chỉ chú ý về phương diện khai thác và chế biến khoáng sản mà còn phải quan tâm tới vấn đề giảm nhẹ thiệt hại hoặc ảnh hưởng xấu gây ra cho môi trường.

133.Kĩ sư khai thác dầu khí (Petroleum Engineer)

Kĩ sư khai thác dầu khí ứng dụng các nguyên tắc vật lí, địa chất và hóa học để phát hiện và khai thác dầu và khí từ các mỏ dầu khí dưới lòng đất và dưới biển.

134. Kỹ thuật viên chỉnh hình và phục hình (*Orthotist and Prosthetist*)

Kỹ thuật viên chỉnh hình và phục hình phục vụ, chăm sóc bệnh nhân khuyết tật ở các bộ phận chân, tay, cột sống hay bị mất một phần hoặc toàn bộ chân, tay bằng cách lắp và chuẩn bị trụ chống chỉnh hình, chân, tay giả theo chỉ đạo, ý kiến của bác sĩ.

135. Kỹ thuật viên cơ – điện tử (*Mechatronics*)

Kỹ thuật viên cơ - điện tử làm việc trong một lĩnh vực liên quan tới nhiều ngành nghề kỹ thuật như kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện, kỹ thuật điều khiển và kỹ thuật máy tính. Sáng tạo robot là một ví dụ về công việc trong lĩnh vực cơ điện tử.

136. Kỹ sư hàng hải (*Merchant Navy Engineer*)

Kỹ sư hàng hải kiểm soát và tham gia hoạt động điều khiển, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí, điện, điện tử và máy móc trên tàu hoặc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ trên bờ.

137. Công an (*Police Officer*)

Công an thi hành các qui định luật pháp và trật tự xã hội, đảm bảo ổn định cho xã hội, trật tự kỉ cương, bảo vệ lợi ích của nhà nước trong xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

138. Vũ công và biên đạo múa (*Dancer and Choreographer*)

Biên đạo múa sáng tác các điệu múa. Vũ công là người biểu diễn các điệu múa.

139. Kỹ thuật xây dựng (*Civil Engineering Technician*)

Kỹ thuật xây dựng thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật trong nghiên cứu kỹ thuật dân dụng, thiết kế, xây dựng, thực hiện, duy tu và sửa chữa các nhà cao tầng và các công trình xây dựng khác như cung cấp nước, hệ thống xử lý nước thải, cầu, đường, đập nước và sân bay.

140. Kỹ thuật thủy lợi (*Irrigation Technician*)

Cán bộ kỹ thuật thủy lợi lập qui hoạch, thiết kế và duy tu các hệ thống vận chuyển và phân phối nước cho các vùng sản xuất nông nghiệp và các cụm dân cư. Họ giám sát việc xây dựng, lắp đặt các hệ thống phân phối, tưới tiêu và vận hành sao cho đạt kết quả tối ưu cho trồng trọt hoặc nuôi trồng.

141. Kỹ thuật điện trong công nghệ thông tin và truyền thông (*Electrical Engineering Technician: Information-Communication Technology*)

Cán bộ kỹ thuật điện trong ngành công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) làm công tác kỹ thuật về hệ thống điện của các thiết bị

CNTT&TT. Họ lắp đặt, bảo trì, vận hành và sửa chữa hệ thống điện của máy tính, điện thoại...

142.Kĩ thuật điện trong phát và truyền tải điện (*Electrical Engineering Technician and Operators: Power Generation and Transmission*)

Cán bộ kĩ thuật điện trong phát và truyền tải điện làm công việc vận hành bằng điều khiển và máy móc thiết bị của nhà máy phát điện và các công ty truyền tải, hoặc sửa chữa bảo dưỡng phần điện của nhà máy, trạm, đường dây.

143.Kĩ thuật tua-bin (*Technician Electrical Engineering: Turbines*)

Tua-bin là các thiết bị cơ khí sản xuất năng lượng bằng cách xoay nhờ các tác động gió, khí hoặc chất lỏng. Cán bộ kĩ thuật tua-bin làm công việc lắp đặt, bảo trì và sửa chữa các thiết bị này.

144.Kĩ thuật viên phần cứng máy tính (*Computer Hardware Technologist*)

Kĩ thuật viên phần cứng máy tính cung cấp hỗ trợ kĩ thuật cho người sử dụng một cách trực tiếp hoặc thông qua điện thoại, thư điện tử hoặc các thiết bị điện tử khác. Họ chẩn đoán và giải quyết các trục trặc về phần cứng, thiết bị ngoại vi, máy tính, mạng, cơ sở dữ liệu và internet. Họ cũng hướng dẫn và hỗ trợ triển khai, lắp đặt và bảo trì các hệ thống này.

145.Kĩ thuật viên điện đài trên tàu thủy (*Radio Officer: Ship*)

Kĩ thuật viên điện đài trên tàu thủy điều hành hoạt động của thiết bị vô tuyến trên tàu để nhận và truyền tải điện văn mã hóa từ điện thoại vô tuyến hoặc hệ thống điện báo vô tuyến.

146.Kĩ thuật viên cơ khí trong sản xuất, lắp ráp và sửa chữa (*Mechanical Engineering Technician: Manufacture, Assembly and Repair*)

Kĩ thuật viên cơ khí trong sản xuất, lắp ráp và sửa chữa là những kĩ thuật viên được đào tạo về sản xuất, lắp ráp, bảo trì và sửa chữa các bộ phận cấu thành của tất cả các loại máy móc cơ khí, bao gồm cả động cơ và tua-bin.

147.Kĩ thuật viên giao thông vận tải (*Transport Technician*)

Kĩ thuật viên giao thông vận tải là những người làm kĩ thuật chuyên môn trong việc đảm bảo hoạt động thông suốt của tất cả các loại phương tiện vận tải công cộng như taxi, xe buýt, xe lửa, xe điện cũng như các loại phương tiện đường thủy như tàu, thuyền, phà và xuồng.

148.Kĩ thuật viên khai thác mỏ (*Mining Technician*)

Kĩ thuật viên khai thác mỏ làm công việc hỗ trợ kĩ thuật để thăm dò khoáng sản, kim loại và dầu khí (như than, vàng, sắt, dầu thô, khí thiên nhiên) trên đất

liền hoặc dưới biển, khai thác, vận chuyển và lưu trữ quặng và nguyên liệu thô có chứa khoáng chất, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động và giảm thiểu tác động môi trường.

149. Kỹ thuật viên luyện kim (*Metallurgical Technician*)

Kỹ thuật viên luyện kim làm công việc hỗ trợ kỹ thuật để nghiên cứu và phát triển các phương pháp tiên bộ để chiết xuất kim loại từ quặng và luyện kim loại. Đó là những công việc liên quan đến chiết xuất kim loại, tinh chế thành các loại kim loại khác nhau, pha trộn kim loại thành hợp kim và chế biến kim loại theo mục đích sử dụng trong các ngành công nghiệp khác nhau.

150. Vận hành máy móc (*Mechanical Engineering Technician: Operators*)

Người vận hành máy móc giám sát, vận hành và kiểm tra tại chỗ hoặc bằng điều khiển từ xa hoạt động của các loại máy móc và thiết bị.

151. Kỹ thuật viên vận hành nhà máy lọc dầu và khí thiên nhiên (*Petroleum and Natural Gas Refining Plant Operators*)

Kỹ thuật viên vận hành nhà máy lọc dầu và khí thiên nhiên, còn gọi là người vận hành thiết bị tinh chế dầu và khí thiên nhiên, làm công tác vận hành và giám sát hoạt động của các hệ thống máy móc thiết bị, điều chỉnh, duy tu bảo dưỡng các thiết bị chế biến, lọc, tinh chế, chưng cất và xử lý dầu thô và các sản phẩm từ dầu hoặc khí thiên nhiên.

152. Kỹ thuật viên bảo vệ môi trường (*Environmental Protection Technician*)

Kỹ thuật viên bảo vệ môi trường làm công việc hỗ trợ kỹ thuật để nghiên cứu và đánh giá các tác động đến môi trường do hoạt động của con người như ô nhiễm không khí, nước và tiếng ồn, ô nhiễm đất, thay đổi khí hậu, rác thải độc hại và sự cạn kiệt, thoái hóa các nguồn lực tự nhiên. Họ hỗ trợ xây dựng các kế hoạch và giải pháp để bảo vệ, bảo tồn, phục hồi và giảm thiểu tác động đến môi trường.

153. Kỹ thuật viên lâm nghiệp (*Forester*)

Kỹ thuật viên lâm nghiệp thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, bảo tồn và khai thác rừng khi cần thiết để bán hoặc phân phối các sản phẩm lâm nghiệp một cách thường xuyên cho người mua buôn, tổ chức buôn bán thương mại hoặc tại các chợ.

154. Điều khiển phương tiện đường thủy (*Merchant Navy: Mariner*)

Người điều khiển phương tiện đường thủy chỉ huy và điều khiển tàu thủy và các tàu chở hàng tương tự, thực hiện các chức năng liên quan trên biển.

155. Phi công (Pilot)

Phi công phương tiện bay và kỹ thuật viên hỗ trợ liên quan kiểm soát hoạt động của các thiết bị cơ khí, điện và điện tử để điều khiển phương tiện bay vận chuyển hành khách, thư tín, hàng hóa và thực hiện các nhiệm vụ trước và trong khi bay.

156. Kiểm soát viên không lưu (Air Traffic Controller)

Kiểm soát viên không lưu, còn gọi là kiểm soát viên giao thông đường hàng không, hướng dẫn hướng bay trên không trung và dưới mặt đất qua các thiết bị như đài, ra-đa hay hệ thống đèn và cung cấp thông tin cần thiết cho hoạt động của phương tiện bay.

157. Kỹ thuật viên y tế: công nghệ y học hạt nhân (Medical Technologist: Nuclear Medicine Technology)

Kỹ thuật viên công nghệ y học hạt nhân làm công việc vận hành máy móc liên quan đến y học hạt nhân, như máy chụp cắt lớp, chụp cộng hưởng từ, máy chạy tia gamma...

158. Kỹ thuật viên phòng xét nghiệm (Laboratory Technician)

Kỹ thuật viên phòng xét nghiệm trong các bệnh viện, cơ sở y tế, còn gọi là kỹ thuật viên phòng thí nghiệm y tế, tiến hành các xét nghiệm sinh hóa, kiểm tra bằng kính hiển vi và soi vi khuẩn trong phòng thí nghiệm để kiểm tra máu, mô và các chất dịch của bệnh nhân để tìm ra nguyên nhân gây bệnh.

159. Kỹ thuật viên y tế: kỹ thuật viên phẫu thuật (Medical Technologist: Surgical Technology)

Kỹ thuật viên phẫu thuật, còn là kỹ thuật viên phòng mổ, làm việc dưới sự giám sát của bác sĩ phẫu thuật, y tá, bác sĩ gây mê hoặc nhân viên phẫu thuật khác. Trách nhiệm của họ là chuẩn bị phòng mổ và bệnh nhân trước ca phẫu thuật và thực hiện chăm sóc bệnh nhân ngay sau khi hoàn thành ca phẫu thuật.

160. Kỹ thuật viên y tế: kỹ thuật viên và phụ tá nha khoa (Dental Assistant and Therapist)

Kỹ thuật viên và phụ tá nha khoa trợ giúp cho bác sĩ nha khoa trong tư vấn, chẩn đoán, phòng và chữa bệnh về răng miệng.

161. Vận động viên và người chơi thể thao chuyên nghiệp (Sports Professional)

Vận động viên và người chơi thể thao chuyên nghiệp tham gia vào một môn thể thao nào đó với tư cách là một người chơi hoặc huấn luyện viên chuyên

nghệp. Họ tham gia vào các câu lạc bộ, tổ chức hoặc các cuộc thi đấu về các môn thể thao để đạt được thành tích cao.

162. Giáo viên giáo dục thể chất (*Physical Education Teacher*)

Giáo viên giáo dục thể chất, thường gọi là giáo viên thể dục, thực hiện việc giảng dạy các lớp học thể chất, tổ chức các trò chơi, huấn luyện học viên tham gia các trò chơi và các môn thể dục thể thao.

163. Kỹ thuật viên kỹ thuật viễn thông (*Telecommunications Technician*)

Kỹ thuật viên kỹ thuật viễn thông thực hiện các công việc về kỹ thuật liên quan tới nghiên cứu kỹ thuật viễn thông, thiết kế, sản xuất, lắp ráp, xây dựng, vận hành, duy tu và sửa chữa các hệ thống viễn thông.

164. Cảnh sát cứu hỏa (*Fire-Fighter*)

Cảnh sát cứu hỏa thực hiện công việc ngăn chặn, phòng chống hỏa hạn và dập tắt đám cháy. Họ cũng có nhiệm vụ giải cứu những người bị mắc kẹt trong hỏa hoạn, cứu hàng hoá, tải sản trong và sau hỏa hoạn hoặc tai nạn nghiêm trọng.

165. Trồng trọt (*Crop Grower*)

Lao động trồng trọt lập kế hoạch, tổ chức và thực hiện các hoạt động trồng trọt và thu hoạch các loại cây lương thực, thực phẩm như lúa và cây có hạt, rau và hoa màu, cây công nghiệp như mía đường, thuốc lá, chè, cà phê, cao su, cây ăn quả như bưởi, xoài, cam chanh. Họ cung cấp hoặc bán thường xuyên cho cơ sở bán buôn, doanh nghiệp kinh doanh thương mại hoặc trực tiếp bán ra thị trường.

166. Chăn nuôi gia súc, gia cầm (*Animal Husbandry Specialist*)

Lao động chăn nuôi gia súc, gia cầm thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc gia súc gia cầm như trâu, bò, cừu, lợn, dê, ngựa, chó, mèo, gà, vịt, ngan, ngỗng, chim... cho các mục đích như làm việc, chơi thể thao hoặc làm thú cảnh, lấy thịt, sữa, lông, da và các sản phẩm khác để cung cấp hoặc bán thường xuyên cho cơ sở bán buôn, doanh nghiệp kinh doanh thương mại hoặc trực tiếp bán ra thị trường.

167. Nuôi ong và nuôi tằm (*Apiarists and Sericulturist*)

Lao động nuôi ong và nuôi tằm lập kế hoạch và thực hiện các hoạt động nuôi và chăm sóc cần thiết đối với các loài ong mật và tằm để sản xuất và bán mật ong, sáp ong, kén tằm một cách thường xuyên cho người mua buôn, tổ chức thương mại hoặc người bán lẻ ở chợ.

168. Thợ đường ống (Plumber and Pipe Fitter)

Thợ đường ống lắp đặt, thay thế và bảo dưỡng hệ thống ống dẫn và máy móc cho đường cấp nước, khí đốt, hệ thống thoát nước, hệ thống cống rãnh và thiết bị chạy bằng sức nước và khí nén.

169. Thợ chế tạo khuôn và công cụ (Tool and Die Maker)

Thợ chế tạo khuôn và công cụ chế tạo các loại khuôn và lõi khuôn.

170. Thợ mộc và thợ làm đồ gỗ (Carpenters and Joiner)

Thợ mộc và thợ làm đồ gỗ gia dụng cắt, tạo dáng, lắp ráp, chế tạo và bảo dưỡng sửa chữa nhiều loại công trình và đồ đạc bằng gỗ.

171. Kỹ thuật viên thiết bị lạnh và điều hòa không khí (Refrigeration and Air-conditioning Technician)

Kỹ thuật viên thiết bị lạnh và điều hòa không khí lắp đặt, bảo dưỡng và sửa chữa máy điều hòa không khí, hệ thống máy lạnh và các thiết bị liên quan, ví dụ như điều hòa, tủ lạnh, kho lạnh và các hệ thống làm lạnh công nghiệp.

172. Thợ hàn và thợ cắt kim loại bằng nhiệt (Welder and Flame Cutter)

Thợ hàn và thợ cắt kim loại bằng nhiệt hàn và cắt các bộ phận kim loại bằng cách sử dụng lửa khí gas hoặc hồ quang điện và các nguồn nhiệt khác làm chảy rồi cắt hoặc nối kim loại.

173. Kỹ thuật viên cơ khí trong đóng tàu (Mechanical Engineering Technician: Ship Building)

Kỹ thuật viên cơ khí đóng tàu làm công việc đóng thân tàu (phần thân cách nước của một con tàu) cũng như lắp đặt các máy móc bên trong tàu như đường ống và các loại phụ kiện khác nhau.

174. Kỹ thuật viên cơ khí trong gia công kim loại (Mechanical Technician: Metal Working)

Thuật ngữ “gia công kim loại” bao hàm phạm vi rộng các công việc, từ việc gia công các con tàu và cây cầu lớn tới việc gia công các chi tiết động cơ chính xác và đồ trang sức tinh xảo. Thợ gia công kim loại thực hiện các kỹ thuật nguội như ép nguội, uốn nguội, kéo nguội, cắt nguội, hoặc các kỹ thuật rèn như rèn nóng, rèn ấm và rèn nguội để chế biến kim loại thành những bộ phận, phần lắp ráp hoặc cấu kiện qui mô lớn.

175. Thợ cơ khí và sửa chữa xe có động cơ (Auto Mechanic)

Thợ cơ khí và sửa chữa xe có động cơ làm công việc bảo trì, sửa chữa động cơ và các bộ phận cơ khí của xe máy, xe ô tô chở khách, ô tô tải và các loại xe có động cơ khác.

176.Kĩ thuật viên cơ khí nông nghiệp (*Mechanical Engineering Technician: Agricultural*)

Kĩ thuật viên cơ khí nông nghiệp là những người chuyên bảo trì và sửa chữa các loại máy móc sử dụng trong nông nghiệp như máy kéo, máy gặt, hệ thống tưới tiêu và máy bơm.

177.Thợ lặn (*Underwater Diver*)

Thợ lặn sử dụng thiết bị chuyên dụng để làm việc dưới nước. Các hoạt động này có thể là để thăm dò tài nguyên thiên nhiên, cứu hộ và tìm kiếm người, tàu và hàng hoá trong trường hợp đắm tàu... Thợ lặn cũng có thể kiểm tra, lắp đặt, sửa chữa các thiết bị dưới nước; kiểm tra, thí nghiệm và chụp ảnh sinh cảnh biển hoặc các cấu trúc dưới nước cho các mục đích thương mại hoặc nghiên cứu. Ngoài lặn dưới nước, còn có lặn HAZMAT là một hình thức lặn mà ở đó các thợ lặn lặn vào một môi trường không phải là nước mà là các chất lỏng khác như bột giấy, xi măng lỏng hoặc bùn dầu.

178.Lái đầu máy xe lửa (*Locomotive*)

Người lái đầu máy xe lửa và các phương tiện vận chuyển trên đường ray điều khiển hoặc hỗ trợ việc điều khiển đầu máy xe lửa để vận chuyển hành khách và hàng hóa.

179.Lái xe con, taxi và xe tải hạng nhẹ (*Car, Taxi and Light Truck Driver*)

Người lái xe con, taxi và xe tải nhẹ điều khiển và giữ gìn xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi, xe tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg để vận chuyển hành khách, thư tín và hàng hóa.

180.Lái xe buýt, xe khách và xe điện (*Bus and Tram Driver*)

Người lái xe buýt, xe khách trên 30 chỗ ngồi và xe điện điều khiển và giữ gìn xe buýt, xe khách hoặc xe điện để vận chuyển hành khách, thư tín hoặc hàng hóa.

181.Sĩ quan quân đội (*Army Officer*)

Sĩ quan quân đội là người chỉ huy và quản lí các đơn vị trong lực lượng quốc phòng. Lực lượng, hải quân và không quân là ba quân chủng quốc phòng và là lực lượng rất quan trọng đối với việc bảo vệ an ninh quốc gia. Họ bảo vệ lãnh thổ quốc gia bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời. Bạn cũng có thể tham gia vào lực lượng quốc phòng với tư cách là chuyên gia trong nhiều ngành nghề khác nhau (ví dụ như kĩ sư, bác sĩ, y tá, kế toán, bác sĩ thú y, luật sư). Hầu như bất kỳ ngành nghề nào cũng có trong các quân chủng quốc phòng.

SỔ TAY NGHỀ NGHIỆP

TRA CỨU NHANH

Tài liệu này cung cấp thông tin tham khảo giúp cho thanh thiếu niên, các thầy cô giáo và cha mẹ học sinh xây dựng các phương án lựa chọn nghề nghiệp phù hợp. Được biên soạn dựa trên Bảng Phân loại Nghề nghiệp Chuẩn Quốc tế (ISCO-08) và Danh mục Nghề nghiệp Việt Nam, sổ tay mô tả ngắn gọn các nghề nghiệp phổ biến, phù hợp để hướng nghiệp cho thanh thiếu niên trong độ tuổi 15-18. Tài liệu được sử dụng trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở trường phổ thông, các đơn vị đào tạo nghề và tại cộng đồng.

Văn phòng ILO Việt Nam

48 – 50 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (0084) 43734 0902 Fax: (0084) 43734 0904

Email: HANOI@ilo.org

Website: <http://www.ilo.org/hanoi>

DECENT WORK

A better world starts here.

9789228291698 (bản in)
9789228291704 (web pdf)